PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực

Thông tư liên tịch số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 của Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp,

Liên Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực.[1]

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp (sau đây gọi là Quy chế) ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực.

Trường hợp cụm công nghiệp đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý chuyển đổi theo đúng hướng dẫn tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 13 Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp và đã có quyết định thành lập thì không phải thực hiện xử lý lại theo Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khác liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp.

---

[1] Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có căn cứ ban hành như sau:

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4733/BKHĐT-QLKKT ngày 17 tháng 6 năm 2016;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp địa phương,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Xác định cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

Cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực gồm:

1. Cụm công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trước ngày 05 tháng 10 năm 2009.

2. Cụm công nghiệp được phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trước ngày 05 tháng 10 năm 2009 nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

3. Cụm công nghiệp không thuộc quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này nhưng nằm trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp hoặc Quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương, đã có dự án đầu tư vào cụm công nghiệp trước ngày 05 tháng 10 năm 2009.

Điều 4. Lập danh mục cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

Căn cứ quy định tại Điều 3 Thông tư này, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan rà soát, lập Danh mục các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và xem xét, xử lý hoặc đề xuất biện pháp xử lý theo các phương án quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Danh mục các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực được lập theo mẫu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này và được gửi Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi.

Điều 5. Phương án xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

1. Đối với cụm công nghiệp có diện tích lớn hơn 75 (bẩy mươi lăm) ha:

a) Cụm công nghiệp nếu đáp ứng các điều kiện tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này thì thực hiện chuyển đổi thành khu công nghiệp theo quy định tại các Điều 6 và 7 Thông tư này để thống nhất quản lý theo Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế (sau đây gọi là Nghị định số 29/2008/NĐ-CP);

b) Cụm công nghiệp không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư này thì điều chỉnh quy mô diện tích cho phù hợp với Quy chế và thực hiện thành lập cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Thông tư này.

Riêng các cụm công nghiệp trong các trường hợp sau đây được xem xét giữ nguyên quy mô diện tích khi thực hiện thành lập cụm công nghiệp:

- Các cụm công nghiệp đã được lấp đầy diện tích đất công nghiệp;

- Các cụm công nghiệp đã hoàn thành đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng;

- Các cụm công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết và hoàn thành thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng.

2. Đối với cụm công nghiệp có diện tích không quá 75 (bẩy mươi lăm) ha thì thực hiện thành lập cụm công nghiệp theo quy định tại các Điều 8 và 9 Thông tư này để thống nhất quản lý theo Quy chế.

3. Trường hợp cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực không xử lý được theo các phương án quy định tại các Khoản 1 và 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chuyển đổi cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực thành khu công nghiệp

1. Điều kiện chuyển đổi:

a) Có chủ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng là doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật về doanh nghiệp;

b) Tổng diện tích đất đã cho các dự án đăng ký đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuê đất, thuê lại đất đạt ít nhất 40% diện tích đất công nghiệp của cụm công nghiệp;

c) Quy hoạch chi tiết của cụm công nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành;

d) Đã xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung hoặc có cam kết của chủ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng về thời hạn xây dựng công trình xử lý nước thải khu công nghiệp sau khi được chuyển đổi;

đ) Đáp ứng các điều kiện quy định tại các Khoản 2, 3, 4, và 5 Điều 6 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục chuyển đổi:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ chuyển đổi các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổ chức thẩm định;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các Bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển đổi các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Bổ sung quy hoạch và thành lập khu công nghiệp từ cụm công nghiệp được chuyển đổi:

- Đối với các cụm công nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này và đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp cả nước và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập khu công nghiệp.

- Đối với các cụm công nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp.

Việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thành lập khu công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hồ sơ chuyển đổi gồm:

a) Tờ trình Thủ tướng Chính phủ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển đổi các cụm công nghiệp thành khu công nghiệp trên địa bàn;

b) Đề án chuyển đổi cụm công nghiệp thành khu công nghiệp;

Hồ sơ được lập thành 07 bộ, trong đó có ít nhất 02 bộ hồ sơ gốc (01 bộ hồ sơ gốc trình Thủ tướng Chính phủ và 06 bộ hồ sơ nộp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định).

4. Nội dung Đề án chuyển đổi cụm công nghiệp thành khu công nghiệp gồm:

a) Sự cần thiết và căn cứ pháp lý của việc chuyển đổi;

b) Đánh giá tình hình thực hiện và dự kiến phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp trên địa bàn;

c) Đánh giá hiện trạng xây dựng và phát triển các khu công nghiệp đã thành lập và quy hoạch phát triển khu công nghiệp trên địa bàn;

d) Tên, vị trí, quy mô diện tích, hiện trạng và điều kiện về kết cấu hạ tầng cụ thể của cụm công nghiệp dự kiến chuyển đổi;

đ) Địa vị pháp lý và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của chủ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp dự kiến chuyển đổi;

e) Đánh giá và giải trình về khả năng đáp ứng các điều kiện nêu tại Khoản 1 Điều này;

g) Khả năng huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng và phát triển khu công nghiệp sau khi chuyển đổi;

h) Thể hiện phương án quy hoạch phát triển khu công nghiệp sau khi chuyển đổi trên bản đồ quy hoạch.

Điều 7. Thẩm định hồ sơ chuyển đổi cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực thành khu công nghiệp

1. Nội dung thẩm định:

a) Cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc chuyển đổi;

b) Sự phù hợp của việc chuyển đổi cụm công nghiệp thành khu công nghiệp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; quy hoạch xây dựng vùng và đô thị; quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng;

c) Mức độ đáp ứng các điều kiện chuyển đổi cụm công nghiệp thành khu công nghiệp;

d) Sự phù hợp, tính khả thi của việc phát triển khu công nghiệp, huy động các nguồn vốn xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định:

a) Trong thời hạn 5 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ chuyển đổi, Bộ Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan;

Trường hợp hồ sơ chuyển đổi không đáp ứng quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 6 Thông tư này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung, sửa đổi hồ sơ. Thời gian bổ sung, sửa đổi hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kèm theo hồ sơ chuyển đổi, các Bộ, ngành có ý kiến gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức cuộc họp với các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm rõ những vấn đề liên quan.

c) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 8. Thành lập cụm công nghiệp từ cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

1. Trình tự, thủ tục thành lập:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện lập hồ sơ thành lập cụm công nghiệp quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều này, nộp Sở Công Thương để tổ chức thẩm định;

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập cụm công nghiệp, Sở Công Thương tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trường hợp thành lập cụm công nghiệp có diện tích không quá 75 (bẩy mươi lăm) ha: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc không thành lập cụm công nghiệp;

- Trường hợp thành lập cụm công nghiệp có diện tích lớn hơn 75 (bẩy mươi lăm) ha: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ kèm theo văn bản thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản kèm theo 01 bộ hồ sơ thành lập cụm công nghiệp gửi Bộ Công Thương có ý kiến thỏa thuận;

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập cụm công nghiệp, Bộ Công Thương xem xét, có văn bản thỏa thuận. Trường hợp hồ sơ thành lập cụm công nghiệp không đáp ứng quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều này, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải trình, bổ sung những vấn đề liên quan. Thời gian giải trình, bổ sung không tính vào thời gian xem xét thỏa thuận. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thỏa thuận của Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thành lập hoặc không thành lập cụm công nghiệp;

Các quyết định thành lập cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương 01 bản để theo dõi, tổng hợp.

2. Hồ sơ thành lập cụm công nghiệp gồm:

a) Văn bản đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thành lập cụm công nghiệp;

b) Báo cáo thành lập cụm công nghiệp;

c) Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của dự án (đối với cụm công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư này); bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp (đối với cụm công nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này); bản sao hợp lệ quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp hoặc quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn cấp tỉnh (đối với cụm công nghiệp quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư này).

Hồ sơ được lập thành 06 bộ, trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc.

3. Nội dung của Báo cáo thành lập cụm công nghiệp gồm:

a) Sự cần thiết và căn cứ pháp lý thành lập cụm công nghiệp;

b) Tên gọi, vị trí, quy mô diện tích, mục tiêu, chức năng của cụm công nghiệp; địa vị pháp lý và năng lực của chủ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;

c) Đánh giá hiện trạng, cơ cấu sử dụng đất; định hướng bố trí các ngành nghề trong cụm công nghiệp;

d) Đánh giá hiện trạng và kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;

đ) Giải pháp, khả năng huy động vốn để đầu tư hoàn thành kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;

e) Hiện trạng và giải pháp thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp;

g) Dự kiến hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường của việc phát triển cụm công nghiệp sau khi thành lập;

h) Thể hiện phương án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên bản đồ (đối với cụm công nghiệp quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư này).

Điều 9. Nội dung thẩm định hồ sơ thành lập cụm công nghiệp từ cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

1. Căn cứ pháp lý và sự cần thiết thành lập cụm công nghiệp.

2. Tên gọi, diện tích, mục tiêu, chức năng của cụm công nghiệp.

3. Sự phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác liên quan trên địa bàn.

4. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường của cụm công nghiệp.

5. Giải pháp huy động các nguồn vốn để đầu tư hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng, giải pháp thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp.

6. Hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường của việc phát triển cụm công nghiệp sau khi thành lập.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Thời hạn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực

1. Thời hạn hoàn thành rà soát, lập Danh mục các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực quy định tại Điều 4 Thông tư này xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2012.

2[2]. Thời hạn hoàn thành xử lý các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3.[3] Sau ngày 31 tháng 12 năm 2017, việc xử lý các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực được áp dụng như đối với cụm công nghiệp hình thành sau khi Quy chế có hiệu lực.

---

[2] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2016.

Điều 11. Hiệu lực thi hành[4]

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Bãi bỏ quy định tại các Khoản 2 và 3 Điều 13 và Điều 14 Thông tư số 39/2009/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Bộ Công Thương quy định thực hiện một số nội dung của Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, chủ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và các đơn vị, tổ chức có liên quan thực hiện xử lý các cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế có hiệu lực theo quy định tại Thông tư này.

2. Sở Công Thương chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Cục Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương), Vụ Quản lý các khu kinh tế (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) tham mưu Lãnh đạo Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xem xét, thống nhất giải quyết./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 14/VBHN-BCT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2016

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Quốc Vượng

[4] Điều 2 của Thông tư số 17/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 8 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư số 31/2012/TTLT-BCT-BKHĐT ngày 10 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý cụm công nghiệp hình thành trước khi Quy chế quản lý cụm công nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./."

Phụ lục 1. DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP (CCN) HÌNH THÀNH TRƯỚC KHI QUY CHẾ QUẢN LÝ CCN CÓ HIỆU LỰC, CÓ DIỆN TÍCH LỚN HƠN 75 HA

Tỉnh/thành phố: ……...

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư hạ tầng (nếu có)	Các văn bản pháp lý liên quan			Dự kiến phương án xử lý			Dự kiến thời gian hoàn thành phương án xử lý
					Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	Các văn bản khác	Chuyển thành khu công nghiệp	Thành lập CCN	Chuyển đổi sang mục đích khác (ghi cụ thể)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	CCN…										
2	CCN…										
3	CCN…										

Ghi chú: CCN đã xử lý đúng theo Thông tư số 39/2009/TT-BCT thì không tổng hợp vào biểu trên.

……, ngày…. tháng….. năm 20….

UBND TỈNH…….....
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH.....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2. DANH MỤC CỤM CÔNG NGHIỆP (CCN) HÌNH THÀNH TRƯỚC KHI QUY CHẾ QUẢN LÝ CCN CÓ HIỆU LỰC, CÓ DIỆN TÍCH KHÔNG QUÁ 75 HA

Tỉnh/thành phố:……...

TT	Tên	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tên chủ đầu tư hạ tầng (nếu có)	Các văn bản pháp lý liên quan			Dự kiến phương án xử lý		Dự kiến thời gian hoàn thành phương án xử lý
					Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng	Các văn bản khác	Thành lập CCN	Chuyển đổi sang mục đích khác (ghi cụ thể)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	CCN…									
2	CCN…									
3	CCN…									

Ghi chú: CCN đã xử lý đúng theo Thông tư số 39/2009/TT-BCT thì không tổng hợp vào biểu trên.

……, ngày……. tháng…... năm 20….

UBND TỈNH…….....
(Ký tên, đóng dấu)

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH…….....
(Ký tên, đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng